

CHỦ ĐỀ 2: A SEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ**Tiết 9,10****Ngày soạn: 28/9/2026****BÀI 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Về kiến thức**

- Trình bày được bối cảnh, quá trình hình thành và mục đích thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Trình bày được quá trình phát triển, mở rộng ASEAN từ 5 nước thành viên sáng lập đến ASEAN 10.
- Nêu được những nét chính của các giai đoạn phát triển của ASEAN từ năm 1967 đến nay.
- Nhận thức được ý nghĩa của việc mở rộng thành viên, xây dựng Cộng đồng ASEAN và vai trò của Việt Nam trong tiến trình phát triển của tổ chức.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Nhận diện, đọc và khai thác được thông tin quan trọng từ tranh ảnh, tư liệu viết, sơ đồ thời gian và bảng thống kê trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác Tuyên bố ASEAN, hình ảnh năm ngoại trưởng sáng lập, sơ đồ ASEAN 5 - ASEAN 10 và lễ kết nạp Cam-pu-chia năm 1999.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử qua việc phân tích bối cảnh ra đời, mục đích thành lập, nguyên nhân mở rộng và đặc điểm của từng giai đoạn phát triển ASEAN.
- Biết xây dựng trục thời gian, bảng tóm tắt, trình bày, thảo luận, phản biện và hợp tác nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích ý nghĩa của ASEAN đối với hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á; liên hệ trách nhiệm của công dân Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Về phẩm chất

- Có ý thức tôn trọng sự thật lịch sử, nhìn nhận khách quan quá trình hợp tác và liên kết khu vực Đông Nam Á.
- Trân trọng giá trị của hoà bình, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển giữa các quốc gia trong khu vực.
- Bồi dưỡng niềm tự hào và trách nhiệm đối với vai trò, đóng góp của Việt Nam trong ASEAN.
- Có ý thức học tập nghiêm túc, chủ động tìm tòi, khai thác tư liệu và kết nối quá khứ với hiện tại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên**

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; phiếu học tập dành cho HS.
- Bản đồ Đông Nam Á hiện nay; sơ đồ quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10; bảng tóm tắt các giai đoạn phát triển của ASEAN.

- Các hình ảnh, tư liệu trong SGK: trang bìa cuốn sách Kì diệu ASEAN - Chất xúc tác cho hoà bình; năm ngoại trưởng tham gia sáng lập ASEAN năm 1967; sơ đồ mở rộng thành viên; lễ kết nạp Cam-pu-chia năm 1999.

- Tư liệu trích Tuyên bố ASEAN năm 1967; một số tư liệu ngắn về Việt Nam gia nhập ASEAN và quá trình hình thành Cộng đồng ASEAN.

- Máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu hoặc tranh ảnh phóng to; giấy khổ lớn và bút dạ nếu tổ chức hoạt động nhóm.

- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; trang thông tin chính thức của ASEAN và Bộ Ngoại giao Việt Nam; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 12, sách Kết nối tri thức với cuộc sống; vở ghi và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- Đọc trước Bài 4; quan sát các hình, sơ đồ và bảng trong SGK; sưu tầm tư liệu ngắn về ngày thành lập ASEAN, Việt Nam gia nhập ASEAN hoặc Cộng đồng ASEAN.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

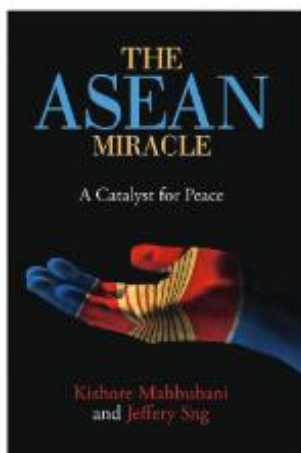
a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, giúp HS nhận diện ASEAN là một tổ chức hợp tác khu vực có quá trình phát triển lâu dài; gợi vấn đề về nguyên nhân ra đời, hành trình mở rộng và vai trò của ASEAN.

b. Nội dung: HS quan sát trang bìa cuốn sách Kì diệu ASEAN - Chất xúc tác cho hoà bình, đọc thông tin dẫn nhập và trả lời câu hỏi gợi mở của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được một số hiểu biết ban đầu về ASEAN; dự đoán được những yếu tố tạo nên thành công của tổ chức và xác định được các nội dung cần tìm hiểu trong bài.

d. Tổ chức thực hiện:

GV trình chiếu trang bìa cuốn sách Kì diệu ASEAN - Chất xúc tác cho hoà bình và giới thiệu ngắn: tác giả đánh giá thành công của ASEAN là một điều kì diệu vì tổ chức đã góp phần tạo dựng môi trường hoà bình, thịnh vượng ở khu vực Đông Nam Á.



Hình khởi động. Trang bìa cuốn sách “Kì diệu ASEAN - Chất xúc tác cho hoà bình”

GV đặt câu hỏi:

- Vì sao sự ra đời và phát triển của ASEAN được xem là một “điều kì diệu”?

- ASEAN được thành lập trong bối cảnh nào, gồm những quốc gia sáng lập nào?

- Từ một tổ chức có 5 thành viên, ASEAN đã phát triển như thế nào để trở thành tổ chức bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á?

HS suy nghĩ, trao đổi theo cặp và trình bày. GV nhận xét, không chốt sâu nội dung mà dẫn dắt vào bài: để hiểu được cơ sở của “điều kì diệu ASEAN”, chúng ta sẽ tìm hiểu quá trình hình thành, mục đích thành lập, hành trình mở rộng và các giai đoạn phát triển của tổ chức từ năm 1967 đến nay.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu quá trình hình thành và mục đích thành lập tổ chức ASEAN

- a. Mục tiêu:** HS trình bày được bối cảnh và quá trình thành lập ASEAN; nêu và giải thích được mục đích thành lập của tổ chức; hình thành năng lực khai thác tư liệu và tư duy lịch sử.
- b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS khai thác thông tin SGK, Tuyên bố ASEAN, hình ảnh năm ngoại trưởng sáng lập và câu hỏi gợi mở; HS làm việc cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được bối cảnh thế giới và khu vực, các tổ chức tiền thân, sự kiện ngày 8 - 8 - 1967 tại Băng Cốc, năm quốc gia sáng lập và ba nội dung cơ bản trong mục đích thành lập ASEAN.
- d. Tổ chức thực hiện:**



Hình 2. Ngoại trưởng năm nước tham gia sáng lập ASEAN (1967)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc mục 1a, xác định bối cảnh, các tổ chức hợp tác đầu thập niên 1960 và sự kiện thành lập ASEAN. GV giao tiếp nhiệm vụ: khai thác Tuyên bố ASEAN, tìm các từ khoá thể hiện mục đích thành lập. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi theo cặp. GV hỗ trợ HS phân biệt bối cảnh thành lập với mục đích hoạt động. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung và làm rõ nguyên nhân các tổ chức tiền thân tồn tại ngắn. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn xác kiến thức, nhấn mạnh ASEAN ra đời từ nhu cầu hợp tác, hoà bình và phát triển của khu vực.	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xu hướng khu vực hoá phát triển; các nước Đông Nam Á cần hợp tác để phát triển, hạn chế xung đột và ứng phó với cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn. - Đầu những năm 1960 có ASA (1961) và MAPHILINDO (1963), nhưng tồn tại ngắn do bất đồng giữa một số thành viên. - Ngày 8 - 8 - 1967 tại Băng Cốc, năm nước In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan thông qua Tuyên bố ASEAN, chính thức thành lập tổ chức. - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, phát triển văn hoá; xây dựng cộng đồng Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng. - Thúc đẩy hoà bình, ổn định khu vực trên cơ sở tôn trọng công lí, pháp luật và Hiến chương Liên hợp quốc.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
	- Tăng cường hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong các lĩnh vực cùng quan tâm. - Tạo điều kiện để các nước thành viên phát triển, hội nhập và xây dựng khu vực hoà bình, tự do, ổn định, thịnh vượng.	

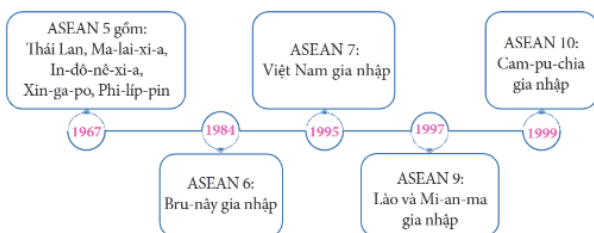
Hoạt động 2. Tìm hiểu hành trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10

a. Mục tiêu: HS trình bày và giải thích được quá trình mở rộng ASEAN từ 5 lên 10 thành viên; nhận thức được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN và hoàn thành ý tưởng “mái nhà chung” Đông Nam Á.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS khai thác sơ đồ, hình ảnh, thông tin SGK; HS xây dựng trục thời gian, xác định các mốc gia nhập và thảo luận về nguyên nhân, ý nghĩa của quá trình mở rộng.

c. Sản phẩm học tập: HS lập được niên biểu 1967 - 1984 - 1995 - 1997 - 1999; nêu đúng các quốc gia gia nhập, giải thích được sự mở rộng phù hợp với lợi ích của thành viên, ổn định khu vực và nâng cao vị thế ASEAN.

d. Tổ chức thực hiện:



Hình 3. Quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10



Hình 4. Cam-pu-chia trở thành thành viên thứ 10 năm 1999

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
---------------------	------------------	-----

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS quan sát Hình 3, lập niên biểu ASEAN 5 - ASEAN 10 và nêu các quốc gia gia nhập ở từng mốc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS xác định mốc thời gian, trao đổi nguyên nhân và ý nghĩa; GV gợi ý liên hệ bối cảnh Chiến tranh lạnh và tình hình khu vực. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung và nêu ý nghĩa Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn xác niên biểu, khẳng định ASEAN 10 tạo nền tảng cho liên kết khu vực sâu rộng hơn.	- Năm 1967: 5 thành viên sáng lập gồm Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin. - Năm 1984: Bru-nây gia nhập, ASEAN có 6 thành viên. - Năm 1995: Việt Nam gia nhập, trở thành thành viên thứ bảy. - Năm 1997: Lào và Mi-an-ma gia nhập; năm 1999 Cam-pu-chia gia nhập, hoàn thành ASEAN 10. - Quá trình mở rộng kéo dài do tác động của Chiến tranh lạnh, xung đột, khác biệt chính trị và lợi ích giữa các nước. - Mở rộng thành viên góp phần củng cố hoà bình, ổn định, hợp tác và nâng cao vị thế ASEAN. - Việt Nam gia nhập là dấu mốc thúc đẩy hoà giải và hình thành “mái nhà chung” Đông Nam Á.	[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một tư liệu chính thống về quá trình mở rộng ASEAN; lựa chọn thông tin đúng yêu cầu và ghi nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức của ASEAN hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Hoạt động 3. Tìm hiểu các giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ năm 1967 đến nay

a. Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm cơ bản của bốn giai đoạn phát triển; xác định được các tuyên bố, hiệp định quan trọng; hiểu được quá trình ASEAN chuyển từ hợp tác ban đầu sang xây dựng Cộng đồng ASEAN.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS khai thác bảng trong SGK, hoàn thành phiếu học tập theo nhóm và trình bày kết quả; HS so sánh đặc điểm, thành tựu và mức độ liên kết của các giai đoạn.

c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thành bảng bốn giai đoạn 1967 - 1976, 1976 - 1999, 1999 - 2015, 2015 đến nay; nêu được các văn kiện tiêu biểu và nhận xét được xu hướng phát triển ngày càng toàn diện, sâu rộng của ASEAN.

d. Tổ chức thực hiện:

b) Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay)

Bảng tóm tắt các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

Các giai đoạn phát triển	Các tuyên bố, hiệp định quan trọng
1967 – 1976: Giai đoạn khởi đầu, xây dựng nền móng ban đầu, tạo tiền đề cho sự hợp tác ASEAN, tập trung vào hợp tác chính trị – an ninh “xây dựng lòng tin và học cách hoà giải”.	Ra Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN, 1971).
1976 – 1999: Giai đoạn xây dựng quan hệ chính trị ổn định, tạo điều kiện phát triển và hợp tác kinh tế giữa các thành viên; mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10; từng bước nâng cao uy tín ASEAN trên trường quốc tế, bước đầu mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với bên ngoài.	– Ra Tuyên bố về sự Hoà hợp ASEAN (Tuyên bố Ba-li I), kí Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC, 1976),... – Kí Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN và thoả thuận về Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA, 1992), thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF, 1994).
1999 – 2015: Giai đoạn hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối về chính trị – an ninh, kinh tế – thương mại và các lĩnh vực khác; khẳng định uy tín, vai trò của ASEAN.	Ra Tuyên bố Ba-li II (2003), công bố Hiến chương ASEAN (2007),...
2015 đến nay: Thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: chính trị – an ninh, kinh tế, văn hoá – xã hội; đẩy mạnh hợp tác bên trong ASEAN và bên ngoài ASEAN với các đối tác đối thoại, nâng cao uy tín, vai trò của ASEAN ở khu vực và trên thế giới.	Ra Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN (2015), thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 (2015), Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 (2020),...

Bảng trong SGK. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ năm 1967 đến nay

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành bốn nhóm; mỗi nhóm tìm hiểu một giai đoạn theo ba tiêu chí: thời gian, nội dung chính, văn kiện tiêu biểu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc bảng trong SGK, lựa chọn từ khoá và hoàn thành phiếu học tập. GV hỗ trợ phân biệt mở rộng thành viên với nâng cao mức độ liên kết. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm báo cáo; lớp nhận xét và chỉ ra sự thay đổi về cơ cấu, phạm vi hợp tác, vị thế quốc tế của ASEAN. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn xác kiến thức, nhấn mạnh xu hướng từ xây dựng nền móng đến hình thành Cộng đồng	- 2015 đến nay: xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế, văn hoá - xã hội; đẩy mạnh liên kết và nâng cao vai trò khu vực. - Xu hướng chung: từ tổ chức của 5 nước trở thành cộng đồng gồm 10 thành viên, thể chế và phạm vi hợp tác ngày càng sâu rộng.	[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo Nội dung chỉ báo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. Nhiệm vụ học tập: HS kiểm chứng bản tóm tắt do AI tạo về bốn giai đoạn phát triển của ASEAN bằng bảng trong SGK; chỉ ra ý đúng, ý thiếu/chưa đúng và nêu căn cứ chỉnh sửa. Công cụ: ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác/cung cấp kết quả sẵn.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
ASEAN với ba trụ cột.		

PHIẾU HỌC TẬP. BẢNG TÓM TẮT CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN

Giai đoạn	Nội dung chính	Tuyên bố, hiệp định tiêu biểu
1967 - 1976	Khởi đầu, xây dựng nền móng ban đầu, tạo tiền đề hợp tác; tập trung hợp tác chính trị - an ninh và hình thành lòng tin.	Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập - ZOPFAN (1971).
1976 - 1999	Xây dựng quan hệ chính trị ổn định; phát triển hợp tác kinh tế; mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10; nâng cao uy tín quốc tế.	TAC (1976); AFTA (1992); ARF (1994).
1999 - 2015	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức; tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối về chính trị - an ninh, kinh tế - thương mại và các lĩnh vực khác.	Tuyên bố Ba-li II (2003); Hiến chương ASEAN (2007).
2015 đến nay	Xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột; đẩy mạnh liên kết, hợp tác toàn diện và nâng cao vai trò của ASEAN ở khu vực, trên thế giới.	Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN (2015); Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và định hướng sau 2025.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố, hệ thống hoá kiến thức về sự hình thành, mục đích, hành trình mở rộng và các giai đoạn phát triển của ASEAN.

b. Nội dung: HS thực hiện câu hỏi, bài tập dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Niên biểu, bảng tóm tắt, sơ đồ tư duy hoặc câu trả lời có lập luận của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Câu 1. Lập bảng niên biểu về quá trình mở rộng ASEAN từ 5 đến 10 thành viên.

Gợi ý: HS trình bày theo các mốc 1967, 1984, 1995, 1997, 1999; ghi rõ quốc gia hoặc nhóm quốc gia gia nhập ở từng mốc.

Câu 2. Hãy tóm tắt bốn giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ năm 1967 đến nay và nêu một văn kiện tiêu biểu của mỗi giai đoạn.

Câu 3. Có ý kiến cho rằng đóng góp quan trọng nhất của ASEAN trong hơn nửa thế kỉ là xây dựng được môi trường hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á. Em có đồng ý không? Vì sao?

GV tổ chức cho HS trình bày, nhận xét, bổ sung; chốt kiến thức cốt lõi và sửa những nhầm lẫn về mốc gia nhập, tên văn kiện hoặc sự khác nhau giữa ASEAN và Cộng đồng ASEAN.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu sâu hơn về một giai đoạn phát triển ASEAN, hình thành quan điểm cá nhân và liên hệ trách nhiệm của công dân Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN.

b. Nội dung: HS sử dụng tư liệu từ sách, báo, internet và kiến thức trong bài để thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Bài giới thiệu ngắn, infographic, sơ đồ tư duy hoặc bài trình bày có thông tin chính xác, bố cục rõ ràng và dẫn chứng phù hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu tư liệu và viết bài giới thiệu khoảng 250 - 300 chữ về một trong bốn giai đoạn phát triển của ASEAN từ năm 1967 đến nay.

Bài viết cần thể hiện:

- Giai đoạn được lựa chọn và bối cảnh lịch sử.
- Nội dung chính, những dấu mốc và văn kiện quan trọng.
- Ý nghĩa của giai đoạn đối với sự phát triển chung của ASEAN.
- Một nhận xét của bản thân về thành tựu hoặc hạn chế của ASEAN trong giai đoạn đó.

Nhiệm vụ 2. Từ hiểu biết về Việt Nam trong ASEAN, hãy đề xuất ba việc làm cụ thể mà học sinh có thể thực hiện để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN đoàn kết, hiểu biết và phát triển bền vững.

Gợi ý: chủ động tìm hiểu lịch sử, văn hoá và ngôn ngữ các quốc gia ASEAN; tôn trọng sự đa dạng; nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng số; tham gia hoạt động giao lưu, bảo vệ môi trường và quảng bá hình ảnh Việt Nam.

GV giao nhiệm vụ ngoài giờ học; đánh giá theo các tiêu chí: đúng kiến thức lịch sử, có chọn lọc tư liệu, lập luận rõ, có liên hệ thực tiễn, trình bày nghiêm túc và sáng tạo.

.....

TIẾT 11,12

Ngày soạn: 2/10/2026

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- Trình bày được nội dung cơ bản của ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN.
- Nêu và phân tích được những thách thức, triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015.
- Giải thích được ý nghĩa của việc thành lập Cộng đồng ASEAN đối với khu vực Đông Nam Á và liên hệ trách nhiệm của Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: khai thác văn kiện, tranh ảnh, số liệu, sơ đồ và thông tin trong SGK để tìm hiểu quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: xác định mối quan hệ giữa ý tưởng - mục tiêu - kế hoạch - hiện thực; so sánh đặc điểm và vai trò của ba trụ cột.
- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng: nhận xét cơ hội, thách thức của ASEAN; đề xuất hành động cụ thể của HS góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: phân công nhiệm vụ, thảo luận, phản biện, báo cáo và đánh giá sản phẩm nhóm.
- Năng lực tự học: biết lựa chọn nguồn thông tin tin cậy về ASEAN, ghi chép và khái quát hoá kiến thức bằng bảng hoặc sơ đồ.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Về phẩm chất

- Có ý thức trân trọng những thành tựu hợp tác của ASEAN; có tinh thần đoàn kết, hữu nghị và trách nhiệm công dân khu vực.
- Khách quan, trung thực khi khai thác và trình bày thông tin; tôn trọng sự đa dạng văn hoá, chế độ chính trị và trình độ phát triển của các nước ASEAN.
- Chăm chỉ, chủ động tìm hiểu; sẵn sàng tham gia các hoạt động vì một Cộng đồng ASEAN hoà bình, ổn định, vững mạnh và phát triển.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy theo Công văn 5512; Phiếu học tập số 1, 2, 3; bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm nhóm.
- Bản đồ Đông Nam Á; tranh ảnh về Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức năm 1997, Lễ kí Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ năm 2015, Hội nghị AEC năm 2019 và Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 năm 2020.
- Trích đoạn Tầm nhìn ASEAN 2020, Tuyên bố Ba-li II, Kế hoạch tổng thể xây dựng ba trụ cột và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.
- Máy tính, máy chiếu hoặc tranh ảnh in; giấy A0/A3, bút dạ.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; trang thông tin chính thức của ASEAN và Bộ Ngoại giao Việt Nam; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- Đọc trước bài 5; hoàn thành câu hỏi trong SGK; chuẩn bị vở ghi, bút màu.
- Suy tầm một thông tin ngắn về vai trò của Việt Nam trong ASEAN hoặc một hoạt động hợp tác ASEAN mà em quan tâm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, huy động hiểu biết ban đầu và định hướng vấn đề trung tâm của bài.
- b. Nội dung: HS quan sát tem “Chào mừng Cộng đồng ASEAN” và trả lời câu hỏi gợi mở.
- c. Sản phẩm học tập: HS nêu được ý nghĩa của biểu tượng và dự đoán được mục tiêu chung của Cộng đồng ASEAN.
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV trình chiếu Hình 1 trong SGK, yêu cầu HS quan sát màu sắc, biểu tượng, cờ các nước và thông điệp “Một Tầm nhìn, Một Bản sắc, Một Cộng đồng”. GV đặt câu hỏi: Vì sao năm 2015 các nước	- Con tem được phát hành nhân dịp thành lập Cộng đồng ASEAN năm 2015. - Biểu tượng nhấn mạnh sự đoàn kết của 10 nước thành viên, cùng hướng tới một khu vực hoà bình, gắn kết và	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
ASEAN cùng chào mừng sự ra đời của Cộng đồng ASEAN? Theo em, “Một Tâm nhìn, Một Bản sắc, Một Cộng đồng” thể hiện mong muốn gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân trong 1 phút, ghi nhanh 3 từ khoá; sau đó trao đổi theo cặp. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV mời 2 - 3 HS trình bày; khuyến khích HS khác bổ sung những hiểu biết đã sưu tầm về ASEAN. Bước 4. Kết luận, dẫn dắt GV nhận xét và dẫn vào bài: Cộng đồng ASEAN không hình thành trong một ngày mà là kết quả của một quá trình lâu dài, từ ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch đến hiện thực và tiếp tục phát triển sau năm 2015. Hình 1. Tem “Chào mừng Cộng đồng ASEAN” năm 2015 Cộng đồng ASEAN Hình 1. Tem “Chào mừng Cộng đồng ASEAN” năm 2015	phát triển. - Thông điệp thể hiện khát vọng chung về tầm nhìn, bản sắc khu vực và cộng đồng cùng chia sẻ lợi ích, trách nhiệm.	

Hoạt động 1. Tìm hiểu ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN

- a. Mục tiêu:** HS nêu được nguồn gốc, quá trình hình thành và ý nghĩa của ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- b. Nội dung:** HS khai thác mục 1a, Tư liệu 1 và Hình 2; hoàn thành trục thời gian ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- c. Sản phẩm học tập:** Trục thời gian gồm các mốc 1967 - 1997 - 2003 - 2015 và nhận xét về sự phát triển của ý tưởng.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc mục 1a và xác định bốn mốc: Tuyên bố Băng Cốc (1967), Hội nghị cấp cao không chính thức tại Ma-lai-xi-a (1997), Tuyên bố Ba-li II (2003), thành lập Cộng đồng ASEAN (2015). Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm 4, điền vào phiếu: thời gian - sự kiện - nội dung - ý nghĩa. GV gợi mở: Ý tưởng ban đầu đã thay đổi như thế nào qua các mốc? Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày trên trục thời gian. GV yêu cầu nhóm khác nhận xét tính liên tục và mức độ cụ thể hoá của ý tưởng. Bước 4. Kết luận GV chốt: ý tưởng xây dựng một cộng đồng hoà bình, thịnh vượng đã có từ khi ASEAN ra đời; đến năm 1997 được khẳng định rõ; năm 2003 xác định ba trụ cột; năm 2015 trở thành hiện thực.	1967 - Tuyên bố Băng Cốc nêu mục tiêu xây dựng khu vực hoà bình, tự do, thịnh vượng. 1997 - ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN trong Tầm nhìn ASEAN 2020. 2003 - Tuyên bố Ba-li II xác định Cộng đồng ASEAN gồm ba trụ cột. 2015 - Cộng đồng ASEAN chính thức thành lập ngày 31-12-2015. Nhận xét - Ý tưởng phát triển từ định hướng khái quát đến mục tiêu, mô hình và lộ trình cụ thể.	[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một tư liệu chính thống về một trong các mốc 1967, 1997, 2003 hoặc 2015; lựa chọn thông tin đúng yêu cầu và ghi nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức của ASEAN hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 Hình 2. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức tại Ma-lai-xi-a (15 - 12 - 1997) Với ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN, mục tiêu hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường đã trở thành động lực thúc đẩy sự hợp tác và phát triển trong khu vực. <i>Hình 2. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức tại Ma-lai-xi-a (1997)</i>		

Hoạt động 2. Tìm hiểu mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Mục tiêu:** HS trình bày và giải thích được mục tiêu tổng quát và ý nghĩa của ba trụ cột.
- Nội dung:** HS khai thác Tư liệu 2, xác định các từ khoá và hoàn thành sơ đồ mục tiêu.
- Sản phẩm học tập:** Sơ đồ nêu được mục tiêu chung, cơ sở pháp lí và ba trụ cột.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc Tư liệu 2 và khoanh các cụm từ thể hiện mục tiêu: liên kết sâu rộng hơn; ràng buộc hơn; dựa trên Hiến chương ASEAN; mang lại lợi ích thiết thực cho người dân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi theo cặp để trả lời: Vì sao Cộng đồng ASEAN phải dựa trên ba trụ cột? Vì sao người dân được đặt ở vị trí trung tâm? Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày; GV yêu cầu HS liên hệ ví dụ về lợi ích của hợp tác ASEAN đối với học tập, lao động, du lịch hoặc giao lưu văn hoá. Bước 4. Kết luận	- Đưa ASEAN trở thành một cộng đồng gắn kết, liên kết sâu rộng và có trách nhiệm hơn. - Hoạt động trên cơ sở Hiến chương ASEAN, các nguyên tắc cơ bản và luật lệ chung. - Xây dựng ba trụ cột: Chính trị - An ninh; Kinh tế; Văn hoá - Xã hội. - Hướng tới hoà bình, ổn định, thịnh vượng, nâng cao đời sống và củng cố bản sắc ASEAN.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
GV chuẩn xác: mục tiêu là đưa ASEAN từ hiệp hội hợp tác sang một cộng đồng có mức độ liên kết cao hơn, toàn diện hơn, dựa trên luật lệ và hướng tới người dân.		

Hoạt động 3. Tìm hiểu kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a. Mục tiêu: HS trình bày được Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN 2009 - 2015 và vai trò của các kế hoạch tổng thể.

b. Nội dung: HS khai thác mục 1c và Hình 3, lập bảng “Mục tiêu - giải pháp - kết quả”.

c. Sản phẩm học tập: Bảng thể hiện đúng kế hoạch trên ba trụ cột, hoạt động đối ngoại và kết quả năm 2015.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu văn bản Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 - 2015), yêu cầu HS xác định: kế hoạch được thông qua khi nào; gồm những lĩnh vực nào; nhằm đạt kết quả gì. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm, khai thác SGK và hoàn thành bảng. GV gợi ý phân biệt kế hoạch trong nội khối với kế hoạch mở rộng quan hệ đối ngoại. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm báo cáo. GV đặt câu hỏi: Vì sao cần kế hoạch cụ thể và cơ chế theo dõi, đánh giá thay vì chỉ nêu mục tiêu chung? Bước 4. Kết luận GV chốt: lộ trình cụ thể hoá các mục tiêu	- Năm 2009, Hội nghị cấp cao ASEAN 14 thông qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN 2009 - 2015. - Các kế hoạch tổng thể được triển khai trên ba trụ cột Chính trị - An ninh, Kinh tế, Văn hoá - Xã hội. - Tăng cường liên kết nội khối, thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao vai trò trung tâm và mở rộng quan hệ đối ngoại. - Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo kí Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ; Cộng đồng ASEAN chính thức thành lập từ 31-12-2015.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
bằng hàng trăm biện pháp; sau sáu năm triển khai, ASEAN cơ bản hoàn thành kế hoạch và tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN.  Hình 3. Lễ ký Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ thành lập Cộng đồng ASEAN (2015) hình vẽ kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. đồng ASEAN ng ASEAN bao gồm: Cộng đồng Chính trị – An ninh g Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội n ninh ASEAN (APSC) Hình 3. Lễ ký Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ thành lập Cộng đồng ASEAN (2015)		

Hoạt động 4. Tìm hiểu Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)

- Mục tiêu:** HS trình bày được cơ sở, mục tiêu, nội dung chính và vai trò của APSC.
- Nội dung:** HS khai thác mục 2a, Tư liệu 3, hoàn thành phiếu “APSC là gì?”.
- Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập nêu được nền tảng, mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của APSC.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc mục 2a và Tư liệu 3, xác định bốn ý: nền tảng; mục tiêu; nội dung hợp tác; ý nghĩa. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo cặp, chọn từ khoá và hoàn thành phiếu. GV gợi mở: APSC có phải là một liên minh quân sự hay không? Vì sao? Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày; nhóm khác phản biện. GV nhấn mạnh các nguyên tắc đồng thuận, không can thiệp, giải quyết tranh chấp	- Nền tảng: những thành quả hợp tác chính trị - an ninh của ASEAN từ năm 1967. - Mục tiêu: tạo môi trường hoà bình, an ninh, ổn định; nâng hợp tác lên mức cao hơn và chặt chẽ hơn. - Nội dung: xây dựng cộng đồng dựa trên giá trị và chuẩn mực chung; gắn kết, hoà bình, tự cường; mở rộng quan hệ đối ngoại. - APSC không phải liên minh quân sự; hoạt động dựa trên các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
bằng biện pháp hoà bình. Bước 4. Kết luận GV chốt APSC kế thừa hợp tác chính trị - an ninh từ năm 1967, nhằm tạo môi trường hoà bình, an ninh và nâng hợp tác lên mức chặt chẽ hơn.		

Hoạt động 5. Tìm hiểu Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

a. Mục tiêu: HS trình bày được mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của AEC; biết liên hệ cơ hội, thách thức đối với Việt Nam.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2b, Hình 4 và ô “Em có biết?”, hoàn thành bảng AEC.

c. Sản phẩm học tập: Bảng nêu được bốn nội dung chính và liên hệ thực tế.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV trình chiếu Hình 4, yêu cầu HS quan sát và đọc nội dung mục 2b. Nhiệm vụ nhóm: xác định AEC hướng tới thị trường chung, cơ sở sản xuất chung và những dòng lưu chuyển nào. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm, hoàn thành bảng: mục tiêu - biểu hiện - cơ hội - thách thức với Việt Nam. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày. GV hỏi: Tự do lưu chuyển hàng hoá, dịch vụ, vốn và lao động có tay nghề mang lại lợi ích gì? Vì sao cũng tạo sức ép cạnh tranh? Bước 4. Kết luận GV chốt: AEC là sự tiếp nối và nâng cao hợp tác kinh tế, hướng tới khu vực cạnh	- Tạo một thị trường và cơ sở sản xuất chung. - Thúc đẩy lưu chuyển hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề. - Xây dựng khu vực kinh tế cạnh tranh cao, năng động; phát triển đồng đều; hội nhập đầy đủ vào kinh tế toàn cầu. - Cơ hội với Việt Nam: mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, tiếp cận việc làm và công nghệ. - Thách thức: cạnh tranh về hàng hoá, dịch vụ, lao động và yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
tranh, phát triển đồng đều, hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu.  Hình 4. Các đại biểu tham dự Hội nghị Hội đồng Kinh tế ASEAN lần thứ 18 tại Thái Lan (2019) Nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế <i>Hình 4. Hội nghị Hội đồng Kinh tế ASEAN lần thứ 18 (2019)</i>		

Hoạt động 6. Tìm hiểu Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN (ASCC)

a. Mục tiêu: HS trình bày được mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của ASCC; hiểu được vai trò của bản sắc và người dân.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2c và Tư liệu 4, xây dựng “cây mục tiêu ASCC”.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm thể hiện được sáu nhóm nội dung và ý nghĩa gắn kết cộng đồng.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc Tư liệu 4, mỗi nhóm chọn một nhánh nội dung: phát triển con người; phúc lợi và bảo hiểm xã hội; bình đẳng xã hội và quyền; môi trường bền vững; bản sắc ASEAN; thu hẹp khoảng cách phát triển. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, viết ví dụ cụ thể vào thẻ màu và gắn lên “cây ASCC”. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Các nhóm trình bày. GV yêu cầu HS giải thích vì sao ASCC được coi là trụ cột gắn gũi trực tiếp nhất với đời sống người dân. Bước 4. Kết luận	- Là khuôn khổ hợp tác chặt chẽ, hướng tới xã hội hài hoà, bình đẳng, gắn bó và có trách nhiệm. - Nội dung: phát triển con người; phúc lợi, bảo hiểm xã hội; bình đẳng và quyền; môi trường bền vững; xây dựng bản sắc ASEAN; thu hẹp khoảng cách phát triển. - Vai trò: tạo nền tảng xã hội, văn hoá cho sự gắn kết; hỗ trợ hai trụ cột Chính trị - An ninh và Kinh tế. - Ý nghĩa: nâng cao đời sống, tăng ý thức cộng đồng và tôn trọng sự đa dạng văn hoá.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
GV chốt: ASCC xây dựng một cộng đồng lấy người dân làm trung tâm, quan tâm chất lượng cuộc sống, bản sắc chung, phát triển bền vững và thu hẹp khoảng cách.		

Hoạt động 7. Tìm hiểu Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a. Mục tiêu: HS nêu được định hướng phát triển, thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015.

b. Nội dung: HS khai thác mục 3, Hình 5 và ô “Em có biết?”, hoàn thành bảng ba cột.

c. Sản phẩm học tập: Bảng nêu được định hướng, thách thức nội khối - bên ngoài và triển vọng đến năm 2030.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và yêu cầu HS xác định các nội dung mới sau năm 2015: chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của ASEAN. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS chia thành ba nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu định hướng; Nhóm 2 thách thức nội khối; Nhóm 3 thách thức bên ngoài và triển vọng. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Các nhóm báo cáo. GV đặt câu hỏi phản biện: Vì sao sự đa dạng vừa là giá trị, vừa tạo thách thức? ASEAN cần làm gì để duy trì vai trò trung tâm trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn?	Định hướng - Củng cố ba trụ cột; tăng gắn kết, khả năng thích ứng; thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số và kinh tế xanh. Thách thức nội khối - Khác biệt về chế độ chính trị, trình độ phát triển; chênh lệch thu nhập; mâu thuẫn song phương; cạnh tranh sản xuất và xuất khẩu. Thách thức bên ngoài - Cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn; Biển Đông; biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh và an ninh phi truyền thống. Triển vọng - Tiếp tục là khu vực năng	[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo Nội dung chỉ báo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. Nhiệm vụ học tập: HS kiểm chứng bản tóm tắt do AI tạo về định hướng, thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015; chỉ ra ý đúng, ý thiếu/chưa đúng và nêu căn cứ chỉnh sửa. Công cụ: ChatGPT hoặc Gemini do GV thao

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 4. Kết luận GV chốt: ASEAN tiếp tục liên kết sâu rộng, nhưng phải xử lý chênh lệch phát triển, khác biệt chính trị, tranh chấp, cạnh tranh ảnh hưởng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh. Triển vọng vẫn tích cực nhờ kinh tế năng động, vị trí chiến lược và cơ chế hợp tác ngày càng hoàn thiện.  Hình 5. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng phát biểu chào mừng khai mạc Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 (2020) <i>Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN</i> Hình 5. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội (2020)	động, có vị trí chiến lược; quan hệ đối ngoại rộng mở; vai trò và uy tín ngày càng cao.	tác/cung cấp kết quả sẵn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố, hệ thống hoá toàn bộ kiến thức của bài.

b. Nội dung: HS hoàn thành các nhiệm vụ theo cá nhân và nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Bảng, sơ đồ và câu trả lời ngắn.

d. Tổ chức thực hiện: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện, đối chiếu và chữa bài.

- Bài 1. Tóm tắt ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN bằng sơ đồ 4 tầng.
- Bài 2. Lập bảng ba trụ cột theo các tiêu chí: tên gọi - mục tiêu - nội dung chính - ý nghĩa.
- Bài 3. Phân loại các nội dung sau vào đúng trụ cột: thị trường chung; giải quyết tranh chấp hoà bình; phát triển con người; bảo vệ môi trường; lưu chuyển lao động có tay nghề; bản sắc ASEAN.
- Bài 4. Nêu hai thách thức nội khối, hai thách thức bên ngoài và hai triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

Gợi ý đáp án trọng tâm

- APSC: hoà bình, an ninh, chuẩn mực và quan hệ đối ngoại.
- AEC: thị trường, cơ sở sản xuất chung, lưu chuyển hàng hoá - dịch vụ - đầu tư - vốn - lao động có tay nghề.
- ASCC: phát triển con người, phúc lợi, bình đẳng, môi trường, bản sắc và thu hẹp khoảng cách.
- Thách thức: đa dạng chính trị, chênh lệch phát triển, tranh chấp, cạnh tranh nước lớn, môi trường, dịch bệnh.

- Triển vọng: liên kết sâu rộng hơn, kinh tế năng động, vị trí chiến lược, uy tín và vai trò quốc tế tăng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để nhận thức trách nhiệm của công dân trẻ trong Cộng đồng ASEAN.

b. Nội dung: HS thực hiện một bài giới thiệu ngắn hoặc sản phẩm truyền thông.

c. Sản phẩm học tập: Bài viết 12 - 15 câu, infographic hoặc video 2 phút.

d. Tổ chức thực hiện: GV hướng dẫn tiêu chí; HS thực hiện ở nhà và nộp vào tiết sau.

- Nhiệm vụ: “Em có thể làm gì để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, phát triển?”
- Gợi ý hành động: học ngoại ngữ và kỹ năng số; tìm hiểu văn hoá các nước ASEAN; ứng xử tôn trọng sự đa dạng; sử dụng thông tin có trách nhiệm; bảo vệ môi trường; tham gia hoạt động giao lưu, tình nguyện.

Tiêu chí đánh giá sản phẩm

- Đúng kiến thức, thể hiện hiểu biết về Cộng đồng ASEAN: 4 điểm.
- Nêu được hành động cụ thể, khả thi và phù hợp với HS: 3 điểm.
- Có ví dụ hoặc liên hệ Việt Nam: 2 điểm.
- Trình bày rõ ràng, sáng tạo, đúng dung lượng: 1 điểm.

E. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh: Cộng đồng ASEAN hình thành vào thời điểm nào? Gồm mấy trụ cột? Thách thức và triển vọng chủ yếu là gì?
- HS hoàn thiện sản phẩm vận dụng; chuẩn bị bài tiếp theo.

.....

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 2

Gv: giao nhiệm vụ học sinh về nhà hoàn thành sơ đồ tư duy về chủ đề 2 và đại diện nhóm lên báo cáo

Sản phẩm dự kiến:

-GV: Nhận xét và chính xác hóa theo sơ đồ tư duy sau





CHUYÊN ĐỀ 3: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY)

TIẾT 14,15

Ngày soạn: 3/10/2026

BÀI 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái quát bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.
- Trình bày được những diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, phân biệt được nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.
- Phân tích được ý nghĩa lịch sử và rút ra được những bài học kinh nghiệm chủ yếu của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Đọc, khai thác và sử dụng được thông tin từ tư liệu viết, tranh ảnh, lược đồ và trực thời gian để tái hiện bối cảnh, diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc nhận diện các mốc thời gian, địa điểm, lực lượng và sự kiện tiêu biểu của cuộc Tổng khởi nghĩa.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích nguyên nhân thắng lợi, phân tích ý nghĩa và đánh giá vai trò lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.
- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để liên hệ những bài học của Cách mạng tháng Tám với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
- Rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác, trình bày, phản biện và giải quyết nhiệm vụ học tập cá nhân hoặc theo nhóm.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý thức trân trọng thành quả cách mạng và biết ơn các thế hệ đi trước.
- Có ý thức tôn trọng sự thật lịch sử, nhìn nhận khách quan, khoa học về vai trò của các lực lượng tham gia Cách mạng tháng Tám.
- Hình thành tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động, chăm chỉ trong học tập và sẵn sàng đóng góp vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; phiếu học tập dành cho HS.
- SGK, SGV và Tập bản đồ, tư liệu Lịch sử 12 - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.
- Lược đồ Việt Nam năm 1945; trực thời gian về diễn biến Cách mạng tháng Tám; bảng tóm tắt nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm.
- Các hình ảnh trong SGK: Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình; Di tích Đình Tân Trào; nhân dân Hà Nội chiếm Phủ Khâm sai; nhân dân Sài Gòn mít tinh mừng khởi nghĩa thắng lợi.
- Máy tính, máy chiếu; đoạn phim hoặc tư liệu ngắn về Tổng khởi nghĩa tháng Tám và ngày 2 - 9 - 1945 (nếu có).
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; trang thông tin của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hoặc nguồn chính thống do GV định hướng; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 12; vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- Đọc trước Bài 6; quan sát các hình, đọc Tư liệu 1, Tư liệu 2 và phần Luyện tập - Vận dụng trong SGK.

- Suu tầm thêm tranh ảnh hoặc tư liệu ngắn về Quốc dân Đại hội Tân Trào, Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và ngày Quốc khánh 2 - 9 - 1945.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, giúp HS kết nối biểu tượng ngày Quốc khánh 2 - 9 với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945; xác định được vấn đề trọng tâm của bài học.

b. Nội dung: HS quan sát hình Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình, suy nghĩ và trả lời câu hỏi gợi mở.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được ngày 2 - 9 - 1945 là mốc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; bước đầu nhận thức được thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là cơ sở trực tiếp dẫn tới sự kiện này.

d. Tổ chức thực hiện:



Hình 1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội

GV yêu cầu HS quan sát hình, kết hợp hiểu biết của bản thân và trả lời:

- Sự kiện trong hình diễn ra vào thời gian, địa điểm nào?

- Vì sao ngày 2 - 9 - 1945 trở thành ngày Quốc khánh của nước Việt Nam?

- Để đi tới sự kiện này, nhân dân Việt Nam đã tiến hành cuộc cách mạng nào? Cuộc cách mạng đó diễn ra trong bối cảnh nào, có những diễn biến chính và ý nghĩa ra sao?

HS suy nghĩ, trao đổi nhanh theo cặp và phát biểu. GV nhận xét, định hướng: Tuyên ngôn Độc lập là kết quả trực tiếp của thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945. Bài học sẽ giúp chúng ta làm rõ bối cảnh, diễn biến, nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cuộc cách mạng.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a. Mục tiêu: HS trình bày được những nét chính về bối cảnh quốc tế và trong nước; nhận thức được thời cơ lịch sử và sự chuẩn bị chủ động của Đảng, Mặt trận Việt Minh, quần chúng nhân dân trước Tổng khởi nghĩa.

b. Nội dung: HS khai thác thông tin mục 1 SGK, quan sát Hình 2, đọc các mốc sự kiện và hoàn thành nhiệm vụ phân loại bối cảnh quốc tế - trong nước.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được Chiến tranh thế giới thứ hai đi đến kết thúc, Nhật Bản đầu hàng Đồng minh; trong nước, cao trào kháng Nhật phát triển mạnh, Đảng kịp thời thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, triệu tập Hội nghị toàn quốc và Quốc dân Đại hội Tân Trào để quyết định Tổng khởi nghĩa.

d. Tổ chức thực hiện:



Hình 2. Di tích Đình Tân Trào - nơi diễn ra Quốc dân Đại hội năm 1945

GV yêu cầu HS quan sát hình và trả lời:

- Tân Trào có vai trò như thế nào trong quá trình chuẩn bị Tổng khởi nghĩa?
- Những quyết định quan trọng nào được thông qua tại Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội Tân Trào?
- Việc các cơ quan lãnh đạo kịp thời họp và ban hành quyết định cho thấy yếu tố nào có ý nghĩa đặc biệt đối với thắng lợi của cách mạng?

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc mục 1 SGK, lập hai nhóm thông tin: bối cảnh quốc tế và bối cảnh trong nước. HS xác định các mốc từ Hội nghị Pót-xđam đến Nhật Bản đầu hàng Đồng minh; từ cao trào kháng Nhật đến Quốc dân Đại hội Tân Trào.	- Quốc tế: Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc; Hội nghị Pót-xđam quyết định việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương; Hồng quân Liên Xô tiến công đạo quân Quan Đông; ngày 15 - 8 - 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. - Bộ máy thống trị của Nhật và Chính phủ Trần Trọng Kim rơi vào khủng hoảng, tạo thời cơ khách quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa.	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo cặp, gạch chân các từ khóa và trả lời: Vì sao giữa tháng 8 - 1945 được xem là thời cơ “ngàn năm có một”? Đảng đã chuẩn bị và ra quyết định như thế nào?	- Trong nước: từ tháng 3 đến tháng 8 - 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước diễn ra rộng khắp; lực lượng chính trị và vũ trang được chuẩn bị, quần chúng sẵn sàng nổi dậy. - Ngày 13 - 8 - 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, phát động Tổng khởi nghĩa.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày kết quả; nhóm khác nhận xét. GV đặt câu hỏi mở rộng về vai trò của Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội Tân Trào.	- Ngày 14 và 15 - 8 - 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành chính quyền. - Ngày 16 và 17 - 8 - 1945, Quốc dân Đại hội Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.	
Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn xác kiến thức, nhấn mạnh sự kết hợp giữa điều kiện khách quan thuận lợi và sự chuẩn bị lâu dài, chủ động của lực lượng cách mạng.	- Chiều 16 - 8 - 1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào, tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đường về Hà Nội. - Thời cơ Tổng khởi nghĩa xuất hiện khi quân Nhật đầu hàng nhưng quân Đồng minh chưa vào Đông Dương; Đảng đã kịp thời chớp thời cơ, quyết định hành động nhanh chóng.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945

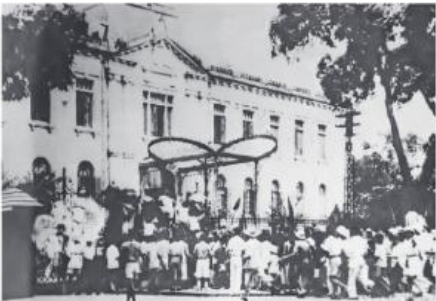
a. Mục tiêu: HS trình bày được diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa trên phạm vi cả nước; xác định được các mốc thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2 SGK, quan sát Hình 3, Hình 4, hoàn thành phiếu học tập về thời gian - địa điểm - diễn biến; nhận xét đặc điểm của Tổng khởi nghĩa.

c. Sản phẩm học tập: HS lập được trục thời gian từ ngày 14 - 8 đến ngày 2 - 9 - 1945; nêu được thắng lợi ở các địa phương, ba đô thị lớn và việc vua Bảo Đại thoái vị; nhận xét được cuộc khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng, đồng loạt, ít đổ máu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ: đọc mục 2 SGK, hoàn thành phiếu học tập theo các mốc 14 - 18/8, 19/8, 23/8, 25/8, 25 - 28/8, 30/8 và 2/9/1945. HS xác định sự kiện tiêu biểu tại từng mốc.	- Từ ngày 14 - 8, một số cấp bộ Đảng và tổ chức Việt Minh căn cứ tình hình cụ thể đã phát động nhân dân khởi nghĩa. - Ngày 18 - 8 - 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam giành chính quyền ở tỉnh lỵ	[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 <i>Hình 3. Nhân dân Hà Nội chiếm Phủ Khâm sai ngày 19 - 8 - 1945</i>	sớm nhất trong cả nước.	số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một tư liệu chính thống về một mốc của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; lựa chọn thông tin đúng với trục thời gian và ghi nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hoặc nguồn chính thống do GV định hướng.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm, đọc kênh chữ và quan sát hình. Nhóm 1 tìm hiểu Hà Nội; nhóm 2 tìm hiểu Huế; nhóm 3 tìm hiểu Sài Gòn; nhóm 4 tìm hiểu các địa phương còn lại và sự kiện 30 - 8, 2 - 9.  <i>Hình 4. Nhân dân Sài Gòn mít tinh mừng khởi nghĩa giành thắng lợi ngày 25 - 8 - 1945</i>	- Hà Nội: ngày 19 - 8 - 1945, quần chúng chiếm các cơ quan đầu não của chính quyền cũ; khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. - Huế: ngày 23 - 8, hàng vạn quần chúng biểu tình, chiếm các cơ sở và giành chính quyền. - Sài Gòn: ngày 25 - 8, quần chúng tham gia cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức; chính quyền cách mạng ra mắt nhân dân.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm báo cáo bằng trực thời gian. GV yêu cầu HS nhận xét về tốc độ, phạm vi, lực lượng và phương thức giành chính quyền của cuộc Tổng khởi nghĩa.	- Từ ngày 25 đến ngày 28 - 8, các địa phương khác từ rừng núi, nông thôn đến thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa; Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng giành chính quyền. - Ngày 30 - 8 - 1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.	
Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức và nhấn mạnh vai trò của đấu tranh chính trị, lực lượng vũ trang, đấu tranh ngoại giao; sự phối hợp giữa trung ương và địa phương.	- Ngày 2 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Cuộc Tổng khởi nghĩa diễn ra trên phạm vi cả nước, nhanh chóng trong khoảng nửa tháng; lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang; giành thắng lợi tương đối ít đổ máu.	

PHIẾU HỌC TẬP. TRỰC THỜI GIAN DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Thời gian	Diễn biến chính
13 - 17/8/1945	Đảng và Mặt trận Việt Minh quyết định Tổng khởi nghĩa; Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội Tân Trào thông qua chủ trương, chính sách lớn.
18/8/1945	Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền ở tỉnh lỵ.
19/8/1945	Khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Hà Nội.
23/8/1945	Khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Huế.
25/8/1945	Khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Sài Gòn.
25 - 28/8/1945	Các địa phương còn lại nối tiếp giành chính quyền.
30/8/1945	Vua Bảo Đại thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ.

Thời gian	Diễn biến chính
2/9/1945	Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Hoạt động 3. Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

- a. Mục tiêu:** HS nêu được nguyên nhân chủ quan, khách quan; phân tích được ý nghĩa trong nước, quốc tế; rút ra được những bài học kinh nghiệm chủ yếu và liên hệ với thực tiễn hiện nay.
- b. Nội dung:** HS khai thác mục 3 SGK, Tư liệu 2, làm việc theo nhóm và hoàn thành bảng “Nguyên nhân - Ý nghĩa - Bài học”.
- c. Sản phẩm học tập:** HS phân loại được nguyên nhân thắng lợi; giải thích được vì sao sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định; nêu được ý nghĩa mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và các bài học về lãnh đạo, đại đoàn kết, chuẩn bị lực lượng, nắm bắt thời cơ.
- d. Tổ chức thực hiện:**

NHIỆM VỤ NHÓM

Nhóm	Nội dung cần làm rõ
Nhóm 1	Phân loại nguyên nhân thắng lợi thành nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan; chọn dẫn chứng chứng minh.
Nhóm 2	Phân tích ý nghĩa trong nước và ý nghĩa quốc tế; giải thích vì sao Cách mạng tháng Tám là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc.
Nhóm 3	Rút ra các bài học về sự lãnh đạo, đại đoàn kết, chuẩn bị lực lượng, kết hợp các hình thức đấu tranh và nắm bắt thời cơ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành ba nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi; Nhóm 2 phân tích ý nghĩa lịch sử; Nhóm 3 rút ra bài học kinh nghiệm. Các nhóm khai thác thông tin SGK và Tư liệu 2.	- Nguyên nhân chủ quan: - Đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; biết vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam. - Truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân; khối liên minh công - nông và Mặt trận Việt Minh được xây dựng, tập hợp rộng rãi các tầng lớp. - Quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa và tập dượt quần chúng.	[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo Nội dung chỉ báo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. Nhiệm vụ học tập: HS kiểm chứng bản tóm tắt do AI tạo về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945; chỉ ra ý đúng, ý thiếu/chưa đúng và nêu căn cứ chỉnh sửa. Công cụ: ChatGPT hoặc

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
		Gemini do GV thao tác/cung cấp kết quả sẵn.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc tư liệu, chọn dẫn chứng và hoàn thành sơ đồ. GV gợi ý phân biệt điều kiện khách quan với nhân tố quyết định thắng lợi.	- Nguyên nhân khách quan: - Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến chống phát xít, đặc biệt là việc đánh bại quân phiệt Nhật Bản, tạo thời cơ thuận lợi cho nhân dân Việt Nam nổi dậy.	
Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày; lớp tranh luận câu hỏi: Vì sao sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định? Ý nghĩa nào của Cách mạng tháng Tám là quan trọng nhất đối với lịch sử dân tộc?	- Ý nghĩa trong nước: - Lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp, quân phiệt Nhật và chế độ quân chủ tồn tại hơn một nghìn năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động nắm chính quyền; tạo bước phát triển nhảy vọt và chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam. - Ý nghĩa quốc tế: - Góp phần vào thắng lợi chống chủ nghĩa phát xít, làm suy yếu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn xác kiến thức, yêu cầu HS liên hệ những bài học lịch sử với nhiệm vụ phát triển đất nước, bảo vệ chủ quyền và củng cố khối đại đoàn kết hiện nay.	- Bài học kinh nghiệm: - Bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng; chủ động xác định đường lối, phương pháp cách mạng phù hợp. - Xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. - Chuẩn bị lực lượng lâu dài, toàn diện; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, trung ương với địa phương. - Nhạy bén nhận định tình hình, nắm bắt và tận dụng thời cơ, hành động kiên quyết, kịp thời.	

BẢNG TÓM TẮT NGUYÊN NHÂN, Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Nội dung	Ý chính
Nguyên nhân chủ quan	Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; truyền thống yêu nước, đoàn kết; quá trình chuẩn bị lực lượng lâu dài, chu đáo.
Nguyên nhân khách quan	Thắng lợi của Đồng minh và Hồng quân Liên Xô, Nhật Bản đầu hàng, tạo thời cơ trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa.
Ý nghĩa trong nước	Lật đổ ách thực dân, phát xít và chế độ phong kiến; thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do.
Ý nghĩa quốc tế	Góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít, làm suy yếu hệ thống thuộc địa và cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc.
Bài học kinh nghiệm	Giữ vững vai trò lãnh đạo; phát huy đại đoàn kết; chuẩn bị lực lượng; kết hợp các hình thức đấu tranh; nắm bắt thời cơ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hoá kiến thức về bối cảnh, diễn biến, nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b. Nội dung: HS thực hiện các câu hỏi, bài tập dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Trục thời gian, bảng tóm tắt, sơ đồ tư duy hoặc câu trả lời có lập luận và dẫn chứng lịch sử phù hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

Câu 1. Lập trục thời gian thể hiện các mốc chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 từ ngày 13 - 8 đến ngày 2 - 9 - 1945.

Gợi ý: HS lựa chọn các mốc 13 - 17/8, 18/8, 19/8, 23/8, 25/8, 25 - 28/8, 30/8 và 2/9; ghi ngắn gọn sự kiện tương ứng.

Câu 2. Vì sao Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi nhanh chóng trong phạm vi cả nước và tương đối ít đổ máu?

Gợi ý: HS phân tích sự chuẩn bị lực lượng lâu dài, sự lãnh đạo kịp thời, khối đại đoàn kết dân tộc, thời cơ Nhật đầu hàng và phương thức khởi nghĩa linh hoạt, kết hợp đấu tranh chính trị, vũ trang, ngoại giao.

Câu 3. Chứng minh Cách mạng tháng Tám năm 1945 là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

GV tổ chức cho HS trình bày, nhận xét và bổ sung; chú ý sửa những nhầm lẫn về trình tự thời gian, địa điểm và sự khác nhau giữa nguyên nhân chủ quan với điều kiện khách quan.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích một vấn đề thực tiễn, hình thành trách nhiệm công dân và liên hệ những bài học của Cách mạng tháng Tám với nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm ở nhà; sử dụng tư liệu từ sách, báo, internet và kiến thức đã học.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn viết, infographic, sơ đồ tư duy hoặc bài thuyết trình ngắn có nội dung chính xác, lập luận rõ và liên hệ thực tiễn.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Vận dụng những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945, hãy đề xuất những việc làm cụ thể để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ chủ quyền và phát triển đất nước hiện nay.

Gợi ý:

- Giữ vững niềm tin, ý thức trách nhiệm; tôn trọng pháp luật và lợi ích chung của cộng đồng.
- Chủ động học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực số, ngoại ngữ, khả năng hợp tác và thích ứng trước những biến động của thời đại.
- Tôn trọng sự khác biệt, lan toả tinh thần đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau; đấu tranh với thông tin sai lệch, hành vi chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.
- Nhạy bén trước thời cơ, chủ động đổi mới, sáng tạo; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, gìn giữ di sản, xây dựng địa phương và bảo vệ Tổ quốc.

Nhiệm vụ 2. Sưu tầm tư liệu về một địa điểm hoặc sự kiện Cách mạng tháng Tám ở địa phương em, viết bài giới thiệu khoảng 250 - 300 chữ hoặc thiết kế một sản phẩm số ngắn. Sản phẩm cần ghi rõ nguồn tư liệu và nêu được ý nghĩa của sự kiện đối với địa phương.

GV giao nhiệm vụ ngoài giờ học; đánh giá theo các tiêu chí: đúng kiến thức lịch sử, sử dụng nguồn tin tin cậy, có liên hệ thực tiễn, trình bày rõ ràng và sáng tạo.

Tiết 16,17 **Ngày soạn: 4/10/2026**
BÀI 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).
- Trình bày được diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp qua các giai đoạn: Nam Bộ kháng chiến năm 1945; những năm đầu toàn quốc kháng chiến (1946 - 1950); bước phát triển mới (1951 - 1953); cuộc kháng chiến thắng lợi (1953 - 1954).
- Nêu và giải thích được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Phân tích được ý nghĩa lịch sử trong nước và quốc tế của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).
- Nhận biết được vai trò của đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Khai thác được lược đồ, sơ đồ diễn biến, bảng thống kê, tranh ảnh và tư liệu lịch sử để xác định không gian, thời gian, lực lượng và kết quả của các chiến dịch tiêu biểu.
- Biết sắp xếp sự kiện theo tiến trình thời gian; so sánh được mục tiêu, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- Rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích quan hệ giữa bối cảnh, đường lối kháng chiến, diễn biến quân sự, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.
- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, thuyết trình, phản biện và giải quyết nhiệm vụ học tập theo cá nhân, cặp đôi và nhóm.
- Vận dụng kiến thức đã học để giới thiệu một di tích, nhân vật hoặc chiến thắng tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại địa phương hoặc trên phạm vi cả nước.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, lòng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, các anh hùng liệt sĩ, chiến sĩ và nhân dân đã hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.
- Trân trọng giá trị của hoà bình, độc lập, đoàn kết dân tộc; có ý thức bảo vệ và phát huy các di sản lịch sử cách mạng.

- Có thái độ khách quan, trung thực khi tìm hiểu lịch sử; chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập và hợp tác với bạn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; phiếu học tập và bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm của HS.
- Lược đồ chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954; sơ đồ ba đợt tiến công Điện Biên Phủ.
- Tranh ảnh cắt từ SGK: Tượng đài “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”, nhân dân Nam Bộ kháng chiến, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị quyết định chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954, dân công dùng xe đạp thồ phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Tư liệu lịch sử: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến; trích Văn kiện Đại hội II của Đảng; nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ý nghĩa thắng lợi; một số đoạn phim tư liệu phù hợp.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; giấy A0/A3, bút dạ, thẻ sự kiện.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; trang thông tin của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hoặc nguồn chính thống do GV định hướng; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 12; vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 7; quan sát các hình, lược đồ, bảng tóm tắt và khai thác các tư liệu 1, 2, 3 trong SGK.
- Suru tâm một hình ảnh hoặc thông tin ngắn về một nhân vật, di tích, chiến dịch tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế sẵn sàng học tập; gợi mở vấn đề về ý chí “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”, từ đó giúp HS xác định nhiệm vụ tìm hiểu bối cảnh, diễn biến, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

b. Nội dung: HS quan sát Hình 1 trong SGK, đọc thông tin về Tượng đài “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” và trả lời câu hỏi gợi mở.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được hình ảnh thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu, hi sinh để bảo vệ nền độc lập; bước đầu dự đoán được tính chất chính nghĩa, toàn dân và lâu dài của cuộc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:



Hình 1. Tượng đài “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” (Hà Nội)

- GV yêu cầu HS quan sát tượng đài, chú ý hình tượng người chiến sĩ cầm tử và người công nhân cầm gương; đọc phần giới thiệu dưới hình.
- GV nêu câu hỏi: Em nhận xét gì về tư thế, nét mặt và hành động của các nhân vật? Cụm từ “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” thể hiện tinh thần gì của nhân dân Việt Nam?
- HS suy nghĩ cá nhân trong 1 phút, trao đổi nhanh theo cặp và phát biểu. GV ghi các từ khoá lên bảng: độc lập, quyết tâm, toàn dân, hi sinh, trường kì.
- GV dẫn dắt: Nền độc lập vừa giành được đứng trước thử thách nghiêm trọng. Từ Nam Bộ kháng chiến đến chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân Việt Nam đã tiến hành cuộc kháng chiến chín năm gian khổ và giành thắng lợi. Bài học hôm nay giúp chúng ta lí giải quá trình đó.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

- a. Mục tiêu:** HS trình bày khái quát được bối cảnh thế giới và trong nước; phân tích được những thuận lợi, khó khăn và lí giải vì sao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.
- b. Nội dung:** HS khai thác mục 1 SGK, xác định thông tin theo hai nhóm: bối cảnh thế giới và bối cảnh trong nước; hoàn thành bảng “Thuận lợi - Khó khăn - Tác động”.
- c. Sản phẩm học tập:** Bảng tổng hợp và phần trình bày của HS nêu đúng các yếu tố cơ bản của bối cảnh lịch sử và tác động của chúng đối với cuộc kháng chiến.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm. Nhóm 1, 2 khai thác bối cảnh thế giới; nhóm 3, 4 khai thác bối cảnh trong nước. - GV phát phiếu gồm ba cột: Sự kiện/đặc	- Bối cảnh thế giới: - Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành; phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
điểm - Thuận lợi hoặc khó khăn - Tác động đối với Việt Nam. - GV định hướng các từ khoá cần chú ý: hệ thống xã hội chủ nghĩa; phong trào giải phóng dân tộc; Trật tự thế giới hai cực I-an-ta; quyền làm chủ của nhân dân; quân đội nước ngoài; nền kinh tế nghèo nàn; chính quyền cách mạng non trẻ; âm mưu của thực dân Pháp. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc mục 1 SGK, gạch chân thông tin quan trọng, thảo luận và thống nhất nội dung phiếu học tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS phân biệt thuận lợi lâu dài với khó khăn trực tiếp; gợi ý HS liên hệ bối cảnh Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi. - GV đặt câu hỏi mở rộng: Vì sao nói tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám là “ngàn cân treo sợi tóc”? Yếu tố nào đe dọa trực tiếp nhất đến nền độc lập vừa giành được? - HS dựa vào tư liệu để lí giải: nhiều lực lượng nước ngoài hiện diện, quân Nhật chưa giải giáp, Pháp quyết tâm trở lại xâm lược, chính quyền và lực lượng vũ trang còn non trẻ, kinh tế - tài chính kiệt quệ. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chuẩn xác kiến thức, nhấn mạnh sự đan xen giữa thuận lợi và khó khăn; mâu thuẫn cơ bản là nhân dân Việt Nam quyết bảo vệ độc lập trong khi thực dân Pháp quyết tâm tái chiếm Đông Dương. - HS hoàn thiện bảng và ghi kết luận vào	- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh tác động sâu sắc đến tình hình Đông Dương và Việt Nam. - Bối cảnh trong nước - thuận lợi: - Nhân dân đã giành quyền làm chủ, được hưởng những quyền lợi của chế độ mới; tinh thần độc lập và ý chí bảo vệ thành quả cách mạng rất cao. - Bối cảnh trong nước - khó khăn: - Quân đội các nước đế quốc kéo vào dưới danh nghĩa Đồng minh; gần 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp; lực lượng phản động chống phá. - Chính quyền cách mạng và lực lượng vũ trang còn non trẻ; nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu; hậu quả nạn đói, lũ lụt và tài chính kiệt quệ chưa được khắc phục. - Thực dân Pháp quyết định lập đạo quân viễn chinh, được Anh giúp đỡ và tìm cách trở lại xâm lược Việt Nam. - Nhận xét: - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, nhưng có nền tảng quan trọng là chính nghĩa, lòng dân và sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
vở.		

Hoạt động 2. Tìm hiểu cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược (1945)

a. Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân trực tiếp, diễn biến khái quát, lực lượng tham gia và ý nghĩa của cuộc chiến đấu ở Nam Bộ; nhận thức được tinh thần “Nam Bộ thành đồng” và sự chi viện của cả nước.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2a SGK và Hình 2; hoàn thành chuỗi sự kiện từ ngày 2 - 9 đến ngày 23 - 9 - 1945 và giải thích tác dụng của cuộc kháng chiến Nam Bộ.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được các mốc, hành động chiến đấu, sự chi viện của cả nước và ý nghĩa kim chân quân Pháp, tạo thời gian chuẩn bị cho toàn quốc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát Hình 2 và đặt câu hỏi: Hình ảnh cho thấy những lực lượng nào tham gia kháng chiến? Điều gì thể hiện quyết tâm của nhân dân Nam Bộ? - GV yêu cầu HS đọc mục 2a, xác định bốn nội dung: hành động của quân Pháp; sự chuẩn bị của ta; hình thức chiến đấu; sự chi viện của cả nước.  <i>Hình 2. Nhân dân Nam Bộ biểu thị quyết tâm kháng chiến (1945)</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	- Ngày 2 - 9 - 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh mừng “Ngày Độc lập”, quân Pháp nổ súng vào đồng bào. - Đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945, quân Pháp đánh chiếm trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ và các cơ quan tự vệ ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. - Ngày 23 - 9 - 1945, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ được thành lập; quân dân Nam Bộ cùng cố lực lượng, dựng chiến lũy, chiến đấu trong các thành phố, thị xã ở phía Nam vĩ tuyến 16. - Đảng và Chính phủ huy động cả nước chi viện; các đơn vị “Nam tiến” lên đường, phong trào quần góp người và vật chất lan rộng. - Ý nghĩa: - Làm thất bại một bước âm mưu	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
- HS làm việc theo cặp, lập trục sự kiện ngắn: 2 - 9 - 1945; đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945; ngày 23 - 9 - 1945 và các hoạt động sau đó. - GV hỗ trợ HS phân biệt hành động khiêu khích ngày 2 - 9 với cuộc tiến công chiếm trụ sở chính quyền ngày 23 - 9. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Một số cặp trình bày trục sự kiện. HS khác bổ sung các hình thức chiến đấu: dựng chiến lũy, đánh trong thành phố, thị xã, tổ chức “Nam tiến”, quyên góp, chi viện người và vật chất. - GV hỏi: Vì sao cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ làm thất bại một bước âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp? Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chốt: cuộc kháng chiến Nam Bộ mở đầu cuộc đấu tranh chống Pháp trở lại xâm lược, thể hiện ý chí bảo vệ độc lập và tạo điều kiện để cả nước chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. - HS ghi vắn tắt kiến thức theo sơ đồ Nguyên nhân - Diễn biến - Ý nghĩa.	“đánh nhanh, thắng nhanh”, kìm chân quân Pháp ở Nam Bộ, tạo thời gian để cả nước củng cố lực lượng và chuẩn bị kháng chiến trường kì.	

Hoạt động 3. Tìm hiểu những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950)

a. Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân bùng nổ toàn quốc kháng chiến, nội dung cơ bản của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và những thắng lợi quân sự tiêu biểu; phân tích được bước chuyển từ phòng ngự sang giành quyền chủ động ở chiến trường chính Bắc Bộ.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2b, Tư liệu 1 và bảng tóm tắt SGK; làm việc theo nhóm để tìm hiểu cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 và chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

c. Sản phẩm học tập: Bảng tóm tắt của HS thể hiện đúng thời gian, mục tiêu, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của ba thắng lợi; HS giải thích được tác dụng của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần mở đầu mục 2b và cho biết: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã làm gì để giữ hoà bình? Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc vẫn bùng nổ? - GV giao 3 nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16; Nhóm 2 tìm hiểu chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947; Nhóm 3 tìm hiểu chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950. - Mỗi nhóm hoàn thành phiếu: Thời gian - âm mưu/mục tiêu của Pháp - chủ trương/hành động của ta - kết quả - ý nghĩa. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK, khai thác Tư liệu 1 và bảng tóm tắt; thảo luận, lựa chọn thông tin cốt lõi và chuẩn bị báo cáo. - GV gợi ý cho HS làm rõ ý nghĩa câu “Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc”. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Nhóm 1 trình bày cuộc chiến đấu ở Hà Nội, Nam Định, Vinh và một số đô thị; nhóm khác nhận xét về mục tiêu giam chân địch và bảo vệ cơ quan đầu não. - Nhóm 2 trình bày chiến dịch Việt Bắc; GV nhấn mạnh sự phá sản của âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh”. - Nhóm 3 trình bày chiến dịch Biên giới; GV yêu cầu giải thích vì sao thắng lợi này mở ra bước phát triển mới của cuộc	- Toàn quốc kháng chiến bùng nổ: - Ta kiên trì hoà hoãn, kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946 và Tạm ước ngày 14 - 9 - 1946; thực dân Pháp liên tiếp phá hoại, gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ và giao quyền kiểm soát Thủ đô. - Ngày 19 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế. - Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16: - Diễn ra từ ngày 19 - 12 - 1946 đến ngày 17 - 2 - 1947. Quân dân ta chiến đấu quyết liệt, giam chân quân Pháp ở Hà Nội và nhiều thành phố, tạo điều kiện để cơ quan đầu não và lực lượng chủ lực rút lui an toàn. - Ý nghĩa: làm thất bại một bước kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh”, củng cố niềm tin và mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến. - Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947: - Từ tháng 10 đến tháng 12 - 1947, quân dân ta bao vây, tiến công và buộc đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc; cơ quan đầu não được bảo vệ, bộ đội thu nhiều vũ khí và trưởng thành. - Ý nghĩa: đập tan cuộc tiến công quy mô lớn, làm phá sản hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”, buộc Pháp chuyển sang	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
kháng chiến. - HS thảo luận câu hỏi tổng hợp: Qua ba thắng lợi, thế và lực của ta thay đổi như thế nào? Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chuẩn xác kiến thức, vẽ mũi tên chuyển biến: giam chân địch ở đô thị -> bảo vệ căn cứ Việt Bắc -> khai thông biên giới và giành quyền chủ động chiến lược ở Bắc Bộ. - HS hoàn thiện bảng thống kê và rút ra nhận xét về sự trưởng thành của quân đội, hậu phương và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh.	đánh lâu dài. - Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950: - Từ tháng 9 đến tháng 10 - 1950, quân ta tiến công Đông Khê, giải phóng một vùng biên giới rộng lớn, khai thông đường liên lạc quốc tế, phá Hành lang Đông - Tây và làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve. - Ý nghĩa: quân đội ta giành quyền chủ động ở chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.	

Hoạt động 4. Tìm hiểu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 - 1953)

a. Mục tiêu: HS trình bày được những bước phát triển về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và quân sự; nhận xét được ý nghĩa của việc xây dựng hậu phương và củng cố khối đoàn kết toàn dân đối với tiền tuyến.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2c, Tư liệu 2, Hình 3 và thông tin SGK; hoàn thành sơ đồ “Chính trị - Kinh tế - Văn hoá, xã hội - Quân sự”.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tổng hợp của HS nêu đúng các sự kiện tiêu biểu và phân tích được tác dụng của từng lĩnh vực đối với cuộc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát Hình 3 và hỏi: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng diễn ra trong hoàn cảnh nào? Việc Đảng hoạt động công khai có ý nghĩa gì? - GV chia lớp thành 4 nhóm, giao mỗi nhóm một lĩnh vực: chính trị; kinh tế; văn hoá - xã hội; quân sự. - GV yêu cầu các nhóm xác định sự kiện,	- Chính trị: - Tháng 2 - 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp; ở Việt Nam, Đảng hoạt động công khai với tên Đảng Lao động Việt Nam, bổ sung và hoàn chỉnh đường lối kháng chiến. - Ngày 3 - 3 - 1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
thời gian, nội dung và tác dụng đối với kháng chiến.  <i>Hình 3. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Vinh Quang (1951)</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc mục 2c và Tư liệu 2, thảo luận, ghi kết quả lên giấy A3. - GV gợi ý Nhóm chính trị chú ý Đại hội II và Mặt trận Liên Việt; Nhóm kinh tế chú ý phong trào sản xuất, tiết kiệm và cải cách ruộng đất; Nhóm văn hoá - xã hội chú ý giáo dục, y tế; Nhóm quân sự chú ý các chiến dịch tiến công từ Trung du đến Thượng Lào. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm trình bày theo sơ đồ. Các nhóm khác đặt câu hỏi và bổ sung. - GV đặt câu hỏi: Vì sao việc xác định ba nhiệm vụ “đánh đuổi đế quốc, xoá bỏ tàn tích phong kiến, xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội” phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam? - HS liên hệ mục tiêu độc lập dân tộc với quyền lợi của nông dân và việc xây dựng chế độ mới. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chốt: giai đoạn 1951 - 1953 là bước phát triển mới toàn diện, hậu phương được củng cố, khối đoàn kết được tăng cường, quân đội liên tiếp tiến công và giữ	Việt Nam (Mặt trận Liên Việt), tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. - Kinh tế: - Phong trào sản xuất và tiết kiệm được đẩy mạnh; các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng yêu cầu kháng chiến và đời sống. Tháng 12 - 1953, Quốc hội thông qua Luật Cải cách ruộng đất và quyết định cải cách ruộng đất ở vùng tự do. - Văn hoá - xã hội: - Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển; phong trào thi đua yêu nước tạo động lực tinh thần mạnh mẽ. - Quân sự: - Quân đội ta liên tiếp mở các chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Hoà Bình, Tây Bắc và Thượng Lào, giữ vững và mở rộng quyền chủ động. - Nhận xét: - Hậu phương kháng chiến được xây dựng ngày càng vững mạnh, tạo nguồn lực người và của cho tiền tuyến; sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến tăng lên rõ rệt.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
vững quyền chủ động. - HS hoàn thiện sơ đồ và ghi nhận xét chung.		

Hoạt động 5. Tìm hiểu cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 - 1954)

a. Mục tiêu: HS trình bày được âm mưu của Kế hoạch Na-va, chủ trương của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954, diễn biến ba đợt của chiến dịch Điện Biên Phủ và ý nghĩa quyết định của chiến thắng.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2d, Hình 4, Hình 5, Hình 6 và câu hỏi trong SGK; làm việc nhóm theo bản đồ để tái hiện tiến trình chiến dịch và lí giải thắng lợi.

c. Sản phẩm học tập: HS lập được bảng ba đợt tiến công, xác định đúng các cứ điểm và nêu được kết quả, ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với cuộc kháng chiến và Hội nghị Giơ-ne-vơ.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát Hình 4, giới thiệu việc Bộ Chính trị quyết định chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954 và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. - GV nêu vấn đề: Thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Na-va nhằm mục tiêu gì? Chủ trương của ta đã làm kế hoạch đó bị phân tán như thế nào? - GV chia lớp thành 4 nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu Kế hoạch Na-va và cuộc tiến công Đông - Xuân; Nhóm 2, 3, 4 lần lượt tìm hiểu ba đợt tiến công Điện Biên Phủ.	- Kế hoạch Na-va: - Tháng 7 - 1953, Pháp được Mỹ giúp đỡ đề ra Kế hoạch Na-va, dự kiến trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự. - Chủ trương của ta: - Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, ta tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng nhưng tương đối yếu, buộc địch phân tán lực lượng; đồng thời chuẩn bị tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. - Chiến dịch Điện Biên Phủ - Đợt 1: - Từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954, quân ta tiêu diệt	[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một tư liệu chính thống về chiến dịch Điện Biên Phủ hoặc công tác hậu cần phục vụ chiến dịch; lựa chọn thông tin đúng nội dung và ghi nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia hoặc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Hình 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị quyết định chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954 Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc mục 2d, quan sát lược đồ Hình 5 và sơ đồ Hình 6, xác định hướng tiến công, các phân khu, cứ điểm và thời gian mỗi đợt. - GV hướng dẫn HS đọc kí hiệu lược đồ, phân biệt Phân khu Bắc, Phân khu Trung tâm, Phân khu Nam; nhận biết sân bay Mường Thanh, các cứ điểm Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo và sở chỉ huy Đờ Cát-xơ-ri. Hình 5. Lược đồ diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ Bước 3. Báo cáo, thảo luận	các cứ điểm Him Lam, Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo, phá vỡ cửa ngõ phía Bắc. - Đợt 2: - Từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954, quân ta tiến công các cứ điểm phía đông Phân khu Trung tâm, đào hào siết chặt vòng vây, kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế tiếp viện. - Đợt 3: - Từ ngày 1 đến ngày 7 - 5 - 1954, quân ta tổng công kích các cứ điểm còn lại ở Phân khu Trung tâm và Phân khu Nam; 17 giờ 30 phút ngày 7 - 5, bắt sống tướng Đờ Cát-xơ-ri và toàn bộ Bộ Tham mưu. - Kết quả, ý nghĩa trực tiếp: - Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt; Kế hoạch Na-va phá sản; Pháp buộc phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương. - Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS									
- Nhóm 1 trình bày mục tiêu 18 tháng của Kế hoạch Na-va và cách quân ta tiến công vào các hướng chiến lược, buộc địch phân tán lực lượng. - Ba nhóm còn lại trình bày ba đợt tiến công trên lược đồ; HS khác đối chiếu sơ đồ và bổ sung. - GV đặt câu hỏi: Vì sao Điện Biên Phủ được coi là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng vẫn bị quân ta tiêu diệt? Vai trò của hậu phương, dân công và công tác bảo đảm hậu cần thể hiện như thế nào? - HS liên hệ Hình 7 về xe đạp thồ, nêu tinh thần sáng tạo, sức người, sức của của toàn dân. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Đợt 1:</th> <th>Đợt 2:</th> <th>Đợt 3:</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>từ ngày 13 - 3 đến ngày 17 - 3 - 1954</td> <td>từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954</td> <td>từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1954</td> </tr> <tr> <td>Quân ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo.</td> <td>Quân ta tiến công các cứ điểm phía đông, phân khu Trung tâm; tiến công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.</td> <td>Quân ta đóng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 ngày 7 - 5, tướng Đờ Cát-xơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp đầu hàng.</td> </tr> </tbody> </table> <i>Hình 6. Sơ đồ diễn biến chính chiến dịch Điện Biên Phủ</i> Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chuẩn xác diễn biến; nhấn mạnh chiến dịch kéo dài 56 ngày đêm, kết thúc lúc 17 giờ 30 phút ngày 7 - 5 - 1954 khi tướng Đờ Cát-xơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu đầu hàng. - GV liên hệ: thắng lợi Điện Biên Phủ đập tan Kế hoạch Na-va, tạo cơ sở để kí Hiệp định Giơ-ne-vơ ngày 21 - 7 - 1954. - HS hoàn thành bảng tóm tắt và ghi kết luận.	Đợt 1:	Đợt 2:	Đợt 3:	từ ngày 13 - 3 đến ngày 17 - 3 - 1954	từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954	từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1954	Quân ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo.	Quân ta tiến công các cứ điểm phía đông, phân khu Trung tâm; tiến công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.	Quân ta đóng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 ngày 7 - 5, tướng Đờ Cát-xơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp đầu hàng.		
Đợt 1:	Đợt 2:	Đợt 3:									
từ ngày 13 - 3 đến ngày 17 - 3 - 1954	từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954	từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1954									
Quân ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo.	Quân ta tiến công các cứ điểm phía đông, phân khu Trung tâm; tiến công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.	Quân ta đóng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 ngày 7 - 5, tướng Đờ Cát-xơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp đầu hàng.									

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP TIẾT 2

- a. **Mục tiêu:** Củng cố tiến trình phát triển của cuộc kháng chiến từ năm 1951 đến năm 1954; rèn kĩ năng đọc lược đồ và hệ thống hoá diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ.
- b. **Nội dung:** HS hoàn thành bảng ba đợt tiến công và trả lời câu hỏi giải thích.
- c. **Sản phẩm học tập:** Bảng tóm tắt đúng thời gian, mục tiêu và kết quả; câu trả lời nêu được vai trò của hậu phương và nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch.
- d. **Tổ chức thực hiện:**
- Câu 1. Hoàn thành bảng gồm các cột: Đợt tiến công - Thời gian - Khu vực/cứ điểm - Kết quả.
 - Câu 2. Vì sao thắng lợi Điện Biên Phủ làm phá sản hoàn toàn Kế hoạch Na-va?
 - Câu 3. Qua Hình 7, em nhận xét gì về vai trò của nhân dân và hậu phương đối với chiến thắng Điện Biên Phủ?
 - GV gọi HS trình bày, nhận xét, chuẩn xác; HS tự đối chiếu và sửa sản phẩm.

Hoạt động 6. Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

- a. **Mục tiêu:** HS nêu và giải thích được các nguyên nhân chủ quan, khách quan; xác định được nguyên nhân quyết định và mối quan hệ giữa các nguyên nhân.
- b. **Nội dung:** HS đọc mục 3a SGK, khai thác Hình 7 và kiến thức toàn bài; làm việc theo kĩ thuật “chia sẻ nhóm đôi” để hoàn thành phiếu nguyên nhân thắng lợi.
- c. **Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập phân loại đúng nguyên nhân chủ quan, khách quan; HS lập luận được sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố quyết định hàng đầu.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu gồm hai dòng “Chủ quan” và “Khách quan”, yêu cầu HS điền nguyên nhân và minh chứng cụ thể từ diễn biến đã học. - GV nêu câu hỏi trọng tâm: Nguyên nhân nào giữ vai trò quyết định? Vì sao không thể tách rời nguyên nhân đó khỏi sức mạnh toàn dân và hậu phương?  Hình 7. Dân công dùng xe đạp chở lương thực	- Nguyên nhân chủ quan: - Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo, độc lập và tự chủ. - Toàn dân, toàn quân phát huy lòng yêu nước, đoàn kết và sáng tạo trong chiến đấu, sản xuất; xây dựng được nền chiến tranh nhân dân rộng khắp. - Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất ngày càng củng cố và mở rộng; lực lượng vũ trang trưởng thành, hậu phương rộng lớn và vững chắc. - Nguyên nhân khách quan:	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
<i>vụ chiến dịch Điện Biên Phủ</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân 3 phút, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để thống nhất. - GV quan sát, gợi ý HS sử dụng dẫn chứng: đường lối kháng chiến; chiến thắng Việt Bắc, Biên giới, Điện Biên Phủ; Mặt trận Liên Việt; hậu phương; liên minh Việt - Miên - Lào; sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và lực lượng tiến bộ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Một số cặp trình bày. Lớp thảo luận, bổ sung dẫn chứng và nhận xét mức độ thuyết phục. - GV yêu cầu HS phân biệt “nguyên nhân quyết định” với “điều kiện thuận lợi”; tránh tuyệt đối hoá một yếu tố và xem nhẹ các yếu tố khác. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chốt hệ thống nguyên nhân; nhấn mạnh sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh quy tụ, tổ chức và phát huy sức mạnh toàn dân, toàn quân. - HS hoàn thiện phiếu và ghi kết luận bằng 3 - 4 câu.	- Sự phối hợp, ủng hộ và đoàn kết chiến đấu của nhân dân Lào, Campuchia trong Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào. - Sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân, nhân dân Pháp và các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới. - Nguyên nhân quyết định: - Sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố quyết định hàng đầu vì đã đề ra đường lối đúng, tổ chức lực lượng, phát huy sức mạnh toàn dân và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.	

Hoạt động 7. Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

a. Mục tiêu: HS phân tích được ý nghĩa lịch sử đối với Việt Nam, Đông Dương và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; biết sử dụng dẫn chứng để làm rõ giá trị của thắng lợi.

b. Nội dung: HS khai thác mục 3b, Tư liệu 3 và kiến thức đã học; hoàn thành sơ đồ hai nhánh “Trong nước - Quốc tế”.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ và phần thuyết trình của HS nêu đầy đủ các ý nghĩa; giải thích được vì sao chiến thắng của Việt Nam có sức cổ vũ mạnh mẽ đối với các dân tộc thuộc địa.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc Tư liệu 3: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh...”. - GV đặt câu hỏi: Nhận định trên nhấn mạnh điều gì? Tại sao thắng lợi của Việt Nam không chỉ có ý nghĩa đối với dân tộc Việt Nam? - GV giao hai nhóm lớn: Nhóm A phân tích ý nghĩa trong nước; Nhóm B phân tích ý nghĩa quốc tế. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK, lựa chọn dẫn chứng và xây dựng sơ đồ hai nhánh. - GV gợi ý Nhóm A liên hệ Cách mạng tháng Tám, miền Bắc và nhiệm vụ thống nhất đất nước; Nhóm B liên hệ Đông Dương, hệ thống thuộc địa và phong trào giải phóng ở châu Á, châu Phi, Mỹ La-tinh. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện hai nhóm trình bày. Nhóm còn lại đặt câu hỏi phản biện và bổ sung. - GV yêu cầu HS giải thích mối quan hệ giữa chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ và việc miền Bắc được giải phóng. - HS thảo luận: Nếu chỉ nêu chiến thắng quân sự mà không gắn với kết quả chính trị, ngoại giao thì việc đánh giá ý nghĩa có đầy đủ	- Ý nghĩa trong nước: - Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam. - Bảo vệ và phát triển thành quả Cách mạng tháng Tám; đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì mới: miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. - Ý nghĩa đối với Đông Dương và thế giới: - Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược và âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc; chấm dứt chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương. - Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh. - Tăng cường sức mạnh của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới; khẳng định một dân tộc thuộc địa nhỏ yếu có thể	[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo Nội dung chỉ báo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. Nhiệm vụ học tập: HS kiểm chứng bản tóm tắt do AI tạo về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; chỉ ra ý đúng, ý thiếu/chưa đúng và nêu căn cứ chỉnh sửa từ SGK, tư liệu đã học. Công cụ: ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác/cung cấp kết quả sẵn.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
không? Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chuẩn xác nội dung và nhấn mạnh tâm vóc thời đại của thắng lợi: bảo vệ nền độc lập, mở ra thời kì mới ở miền Bắc, đồng thời góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. - HS hoàn thiện sơ đồ và viết đoạn kết luận 5 câu.	chiến thắng một đế quốc mạnh khi có đường lối đúng đắn và sức mạnh đoàn kết.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố, hệ thống hoá toàn bộ kiến thức; rèn kĩ năng sắp xếp sự kiện, lập bảng và giải thích vấn đề lịch sử.

b. Nội dung: HS hoàn thành ba nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Bảng thời gian, câu trả lời giải thích và đoạn lập luận có dẫn chứng.

d. Tổ chức thực hiện:

- Câu 1. Lập bảng gồm các cột: Giai đoạn - Sự kiện/chiến dịch tiêu biểu - Kết quả - Ý nghĩa. Các giai đoạn: 1945; 1946 - 1950; 1951 - 1953; 1953 - 1954.

- Câu 2. Chứng minh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển từ thế phòng ngự, giữ gìn lực lượng đến giành quyền chủ động và tiến lên tổng phản công chiến lược.

- Câu 3. Vì sao chiến thắng của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có sức cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh?

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm; gọi đại diện trình bày, yêu cầu sử dụng mốc thời gian và dẫn chứng cụ thể.

- GV nhận xét theo các tiêu chí: đúng kiến thức; sắp xếp logic; có dẫn chứng; diễn đạt rõ ràng; biết liên hệ ý nghĩa.

Gợi ý sản phẩm luyện tập

- Giai đoạn 1945: Nam Bộ kháng chiến, mở đầu cuộc đấu tranh chống Pháp trở lại xâm lược và tạo thời gian chuẩn bị cho cả nước.

- Giai đoạn 1946 - 1950: toàn quốc kháng chiến; chiến đấu ở đô thị, Việt Bắc 1947, Biên giới 1950; ta từng bước phá âm mưu của Pháp và giành quyền chủ động.

- Giai đoạn 1951 - 1953: xây dựng hậu phương toàn diện, củng cố chính trị và mở nhiều chiến dịch tiến công.

- Giai đoạn 1953 - 1954: phá Kế hoạch Na-va, chiến thắng Điện Biên Phủ, buộc Pháp kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.

- Sức cổ vũ quốc tế bắt nguồn từ việc một dân tộc thuộc địa nhỏ yếu đã đánh bại một cường quốc thực dân, chứng minh con đường đấu tranh giải phóng dân tộc có thể giành thắng lợi.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức lịch sử để tìm hiểu, giới thiệu và lan toả giá trị của một di tích, chiến thắng hoặc nhân vật tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

b. Nội dung: HS sưu tầm tư liệu, xây dựng sản phẩm ngắn và trình bày trong giờ học sau hoặc nộp theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm học tập: Bài giới thiệu, áp phích, sơ đồ tư duy hoặc bài thuyết trình 3 - 5 phút có nguồn tư liệu rõ ràng.

d. Tổ chức thực hiện:

- Nhiệm vụ 1. Giới thiệu một di tích hoặc địa danh gắn với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: Bắc Bộ Phủ, chiến khu Việt Bắc, Đông Khê, Điện Biên Phủ hoặc một địa điểm ở địa phương.

- Nhiệm vụ 2. Giới thiệu một nhân vật hoặc tập thể tiêu biểu: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, anh hùng Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, lực lượng dân công hoả tuyến hoặc thanh niên xung phong.

- Sản phẩm cần có: tên đối tượng; bối cảnh; đóng góp hoặc diễn biến tiêu biểu; ý nghĩa; hình ảnh minh hoạ; nguồn tư liệu; cảm nghĩ của HS.

- GV nhắc HS tôn trọng bản quyền hình ảnh, kiểm tra độ tin cậy của nguồn, không sao chép nguyên văn và trình bày bằng ngôn ngữ của mình.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....
.....